



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 15 (10/04-14/04/23)

*Dự báo danh mục cổ phiếu
thuộc bộ chỉ số VN-Diamond Index*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index lấy lại đà tăng hướng về 1,100 điểm*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN-Diamond Index*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ
4. PTKT VN-INDEX: *Duy trì xu hướng tăng sau phiên lấp gap giá vào cuối tuần*
5. TIN VĨ MÔ: *PMI Việt Nam tháng 03 giảm xuống còn 47.7 điểm*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dịch vụ tài chính 4.47%*
7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index lấy lại đà tăng hướng về 1,100 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1064.64	1.71%
GTGD/phiên (tỷ VND)	9,084.10	25.37%
Khối ngoại (tỷ VND)	385.04	
HNX-INDEX	207.50	0.87%
GTGD/phiên (tỷ VND)	918.96	27.44%
Khối ngoại (tỷ VND)	40.88	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4105.02	0.36%	1.34%	4.76%
EU (EURO STOXX)	4309.45	0.26%	0.56%	0.54%
China (SHCOMP)	3327.65	0.45%	2.04%	1.57%
Japan (NIKKEI)	27518.31	0.17%	-1.87%	-3.86%
Korea (KOSPI)	2490.41	1.27%	0.55%	4.00%
Singapore (STI)	3300.48	-0.55%	1.33%	2.67%
Thailand (SET)	1577.07	0.38%	-1.77%	-2.30%
Phillipines (PCOMP)	6488.51	0.25%	-2.15%	-3.32%
Malaysia (KLCI)	1427.04	0.15%	0.31%	-0.42%
Indonesia (JCI)	6792.77	-0.39%	-0.24%	0.38%
Vietnam (VNIndex)	1069.71	-0.11%	0.48%	1.59%

HĐTŁ	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2304	1066.00	-0.72%	19,748	61,343
VN30F2305	1062.50	-1.04%	53	1,903
VN30F2306	1062.40	-1.05%	6	1,040
VN30F2309	1059.60	-1.31%	4	201

TTCK VIỆT NAM

Dòng tiền có dấu hiệu luân chuyển, mặt bằng giá đẩy tăng dần

VN-Index tăng 0.48%, duy trì tuần tăng điểm thứ 3 liên tiếp và thanh khoản tăng mạnh 42% so tuần trước. Áp lực chốt lãi ngắn hạn xuất hiện trong những phiên cuối tuần dù vậy thị trường vẫn chứng kiến 70% cổ phiếu và 11/19 ngành tăng. Ngoại trừ ngành dịch vụ tài chính vẫn giữ đà tăng tốt 4.4%, dòng tiền có dấu hiệu luân chuyển sang các nhóm ngành cổ phiếu chưa tăng giá đáng kể trước đó như xây dựng & vật liệu, hóa chất qua đó đẩy mặt bằng giá tăng dần. Ngoài ra xu hướng dịch chuyển dòng tiền còn được ghi nhận ở các nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ. VN-Index không thể giữ trên 1,080 điểm trước áp lực chốt lãi tuy nhiên chỉ số điều chỉnh trong ngắn hạn vẫn khá lành mạnh và thường thấy sau một nhịp hồi phục tốt. Khối ngoại duy trì bán ròng 30 triệu USD là điểm trừ tuy nhiên dòng vốn nội trở lại đang mở ra cơ hội trading cho NĐT ngắn hạn.

Tuần qua, NHNN đã công bố đối tượng và điều kiện cho vay gói tín dụng 120 nghìn tỷ cho nhà ở xã hội, nhà công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ. Đối tượng vay vốn là pháp nhân và cá nhân đầu tư mua nhà có liên quan. Thời gian ưu đãi với chủ đầu tư không quá 3 năm và người mua nhà không quá 5 năm kể từ ngày giải ngân. Chủ thể đi vay chỉ tham gia vay vốn 1 lần. Thời gian giải ngân đến khi doanh số đạt 120 nghìn tỷ nhưng không quá 31/12/2023. Đây là trong vòng một tháng một loạt các chính sách hỗ trợ như NĐ08 về TPDN, NĐ10 hướng dẫn Luật đất đai, các Nghị quyết về đầu tư công, đề án 1 triệu căn hộ nhà xã hội cùng gói tín dụng 120 nghìn tỷ, các quyết định hạ lãi suất và thông tư 16 của NHNN, ... đã được ban hành nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và hỗ trợ nền kinh tế. Đây cũng là những tín hiệu rất tích cực hỗ trợ TTCK sớm lập đáy và mở ra một chu kỳ tăng trưởng mới.

TTCK THẾ GIỚI

Nền kinh tế Hoa Kỳ có dấu hiệu hạ nhiệt, NĐT dự báo FED không tăng lãi suất vào tháng 5

Các chỉ số CK Hoa Kỳ giằng co và tăng giảm trái chiều trong biên độ hẹp sau tuần tăng tốt. NĐT bị giằng co giữa các dữ liệu kinh tế không thuận lợi và kỳ vọng FED không tăng lãi suất trong kỳ họp tháng 5. Các chỉ số CK Châu Âu duy trì đà tăng với mức tăng 0.9% của chỉ số EU600 trong khi TTCK Châu Á có sự phân hóa rõ rệt. TTCK Nhật, Thái, Philippines giảm từ 1.87% - 2.3% trong khi Trung quốc và Ấn Độ tăng từ 1.3% - 1.8%. Chỉ số hàng hóa CRB Index tăng mạnh 3.6%, dẫn đầu là mức tăng từ năng lượng dầu thô trên 8.5%, than +9.6%; giá kim loại quý cũng tăng tốt với vàng +1.4% và bạc +4.7% trong khi thép và lithium giảm lần lượt 3.5% và 8%. Trên thị trường tiền tệ, USD tiếp suy giảm 0.5%, tuần thứ 4 liên tiếp, mức giảm so với nhiều đồng tiền chủ chốt. Nhìn chung mặc dù có phiên tăng giảm các thị trường vẫn tương đối ổn định ngoại trừ việc giá dầu tăng mạnh với quyết định giảm sản lượng của OPEC+.

Báo cáo việc làm ADP ngày 5/4 cho thấy nhà tuyển dụng Hoa Kỳ giảm tốc độ tuyển dụng trong tháng 3 khi chỉ tạo 145 nghìn việc làm, giảm 116 nghìn việc làm so tháng 2. Tăng trưởng lao động với người không thay đổi việc và thay đổi việc giảm lần lượt 6.9% và 14.2%. Thâm hụt thương mại tháng 2 tăng 2.7% do xuất khẩu hàng hóa giảm. PMI tháng 3 theo ISM giảm về 46.3, mức thấp nhất gần 2 năm do số lượng đơn hàng sụt giảm. Đây là một trong những dấu hiệu cho thấy nền kinh tế Hoa Kỳ đang hạ nhiệt sau các biện pháp thắt chặt tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát. Sau các dữ liệu trên, NĐT đã tăng đặt cược vào khả năng FED sẽ không có động thái nào trong cuộc họp ngày 02-03/05. Tỷ lệ dự báo cho khả năng này trên CME Fedwatch tăng từ 53% lên mức 58.5% sau 1 tuần. Tại kỳ họp tháng 2, đa số thành viên FOMC thấy cần tăng lãi suất 1 lần lên 5.1% và không cắt giảm lãi suất cho đến 2024.

Chú thích: * tỷ VNĐ
^ hợp đồng 3

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN-Diamond Index

Ngày **17/04/2023** Hose sẽ công bố danh mục các cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN-Diamond Index đồng thời sẽ có hiệu lực từ ngày **04/05/2023** do ngày 01/05-03/05 thị trường đóng cửa khi bước vào kỳ nghỉ lễ.

BSC dự báo chỉ số VN-Diamond Index sẽ **không thêm mới** cổ phiếu nào đồng thời sẽ **loại bỏ cổ phiếu EIB**.

Hiện tại có 02 chứng chỉ quỹ ETF đang tham chiếu theo chỉ số VN-Diamond và giao dịch tại HOSE bao gồm: FUEVFNVD và FUEMAVND với tổng tài sản ước tính khoảng 18,704 tỷ đồng trong đó ETF FUEVFNVD có quy mô lớn nhất với giá trị **18,653 tỷ đồng**;

Dựa trên cơ sở đó BSC dự kiến số lượng mua bán cổ phiếu tại quỹ ETF tham chiếu theo bộ chỉ số VN-Diamond Index như sau:

STT	Mã CK	Giá đóng cửa (07/04/2023)	Tỷ trọng cũ trong danh mục (%)	Tỷ trọng sau khi tính toán (%)	% Thay đổi	Giá trị thay đổi (tỷ VND)	SL CP mua/bán (+/- CP)	KLCP giao dịch TB 1 tháng gần nhất (Cổ phiếu)	Số ngày giao dịch dự kiến (ngày)	Notes
1	GMD	52,500	5.28%	8.88%	3.60%	671	12,784,313	701,645	18.22	
2	NLG	29,300	0.64%	3.19%	2.55%	476	16,248,874	1,732,400	9.38	
3	CTG	29,500	1.43%	2.16%	0.73%	136	4,623,573	2,300,103	2.01	
4	DHC	39,250	0.17%	0.23%	0.06%	12	306,054	160,018	1.91	
5	MWG	39,000	13.98%	15.00%	1.02%	190	4,878,428	2,865,554	1.70	
6	VIB	20,900	2.97%	3.52%	0.55%	102	4,886,830	4,834,827	1.01	
7	TCB	29,550	9.01%	9.81%	0.80%	149	5,040,218	8,339,359	0.60	
8	MBB	18,600	6.12%	6.73%	0.61%	115	6,159,243	10,647,840	0.58	
9	VPB	20,900	6.64%	6.62%	-0.02%	(4)	(174,357)	22,468,747	(0.01)	
10	TPB	23,100	2.96%	2.92%	-0.04%	(8)	(341,439)	6,072,287	(0.06)	
11	EIB	19,100	0.60%	0.00%	-0.60%	(112)	(5,859,523)	9,693,483	(0.60)	Dự kiến bị loại
12	MSB	12,500	2.65%	1.63%	-1.02%	(190)	(15,170,584)	12,007,088	(1.26)	
13	FPT	80,500	15.59%	15.00%	-0.59%	(110)	(1,367,101)	942,650	(1.45)	
14	KDH	28,050	1.89%	1.47%	-0.42%	(79)	(2,814,698)	1,293,981	(2.18)	
15	ACB	25,050	7.14%	5.22%	-1.92%	(358)	(14,293,001)	6,464,694	(2.21)	
16	OCB	16,900	1.66%	1.39%	-0.27%	(51)	(3,018,555)	893,579	(3.38)	
17	REE	69,400	7.34%	6.92%	-0.42%	(78)	(1,128,805)	259,048	(4.36)	
18	PNJ	76,500	12.54%	9.31%	-3.23%	(603)	(7,879,994)	600,300	(13.13)	

Nguồn: BSC Research

Lưu ý: Quy trình tính toán giới hạn tỷ trọng vốn hóa sử dụng giá đóng cửa, KLCP lưu hành, tỷ lệ free-float và tỷ trọng thanh khoản của cổ phiếu thành phần thuộc danh mục chỉ số tại phiên giao dịch liền trước thứ Hai lần thứ 3 của tháng 4. Dữ liệu dự báo dựa trên số liệu kết thúc tại ngày 31/03/2023;

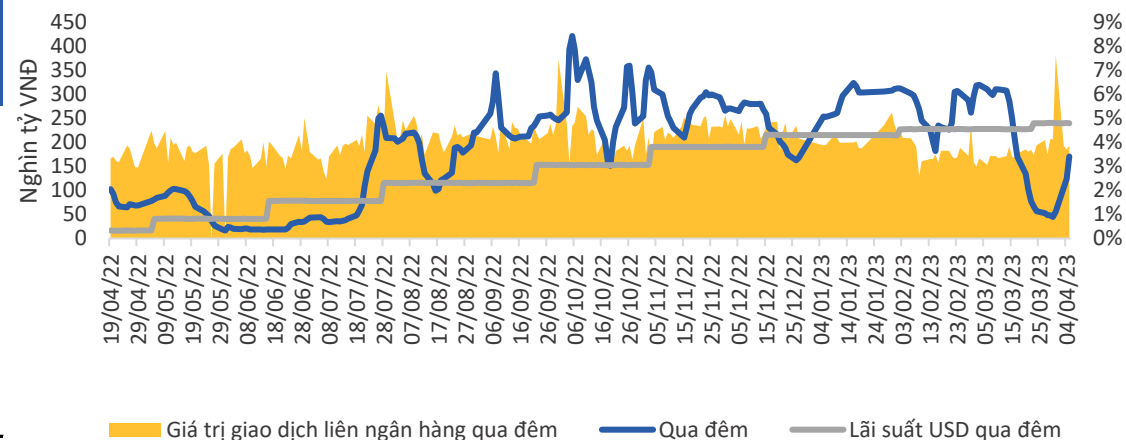
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 7	13/2/2023	17/2/2023	115,406.72	85,228.56	-30,178.16
Tuần 8	20/2/2023	24/2/2023	140,778.66	97,678.62	-43,100.04
Tuần 9	27/2/2023	3/3/2023	108,858.72	106,932.02	-1,926.70
Tuần 10	6/3/2023	10/3/2023	124,881.99	95,623.96	-29,258.03
Tuần 11	13/3/2023	17/3/2023	34,238.39	86,704.95	52,466.56
Tuần 12	20/3/2023	24/3/2023	2,118.67	215.50	-1,903.17
Tuần 13	27/3/2023	31/3/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 14	3/4/2023	7/4/2023	0.00	4,398.93	4,398.93

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	2.67%	3.00%	3.16%	5.27%	6.89%	8.58%	9.10%
So với tuần trước	1.67%	1.33%	0.61%	0.91%	-0.37%	0.35%	-0.31%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	190.41	11,913	3,803	894	820	251	74
So với tuần trước	-19.11%	-36.87%	-61.77%	-40.34%	-55.08%	-66.96%	3600%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 01/04/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 14, SBV đã bơm ròng 4.39 nghìn tỷ đồng qua OMO. Thanh khoản giảm trong khi lãi suất giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm tăng trong tuần 14/2023.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 2.67%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 190.41 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: Duy trì xu hướng tăng sau phiên lấp gap giá vào cuối tuần

Đồ thị ngày: VN-Index có phiên breakout tăng điểm và mở gap tăng giá trong phiên giao dịch 3/4. Xu hướng tăng điểm không được duy trì khi chỉ số tiến tới vùng 1,080 điểm và liên tiếp có 2 phiên điều chỉnh giảm qua đó đóng gap giá tăng tron phiên 7/4. Thanh khoản thị trường tăng vọt và chỉ số đã tạo vùng an toàn trên các đường trung bình động SMA20, 50 và 100. Các chỉ báo kỹ thuật cải thiện, chưa đi vào vùng quá mua và cũng chưa dấu hiệu phân kỳ cho thấy đợt điều chỉnh này mang tính kỹ thuật và tương đối lành mạnh.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giữ ở mức 56 điểm.
- MACD vượt trên đường tín hiệu mức 0. Thanh khoản tiếp tục cải thiện so tuần trước.
- VN-Index duy trì trên SMA20, 50, 100 và dưới SMA200.

Nhận định: Áp lực chốt lãi sau nhịp tăng điểm kéo dài, VN-Index giảm và đóng gap tăng giá trong ngắn hạn. Thanh khoản cải thiện rõ rệt cho thấy thị trường đã thu hút dòng tiền trở lại. Chỉ số đang có phiên giao dịch kiểm tra lại ngưỡng hỗ trợ từ 1,060-1,065 điểm. Và khi vùng giá này vẫn được giữ vững thì kỳ vọng hoàn thành mô hình W mini với mức tăng kỳ vọng tại 1,090 – 1,120 điểm vẫn còn khả thi. Chỉ số dự báo tiếp tục tăng theo đà trong tuần tới hướng về vùng giá từ 1,090 – 1,120 điểm.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: Việt Nam: PMI Việt Nam tháng 03 giảm xuống còn 47.7 điểm

VIỆT NAM:

- Thủ tướng: Chưa thay đổi mục tiêu tăng trưởng, tập trung thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, sinh kế cho người dân đồng thời ban hành Quyết định phê duyệt đề án xây dựng ít nhất 1 triệu căn nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân KCN.
- Chính phủ: ban hành Nghị định 10/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai trong đó nội dung các căn hộ du lịch (condotel), căn hộ văn phòng kết hợp lưu trú (officetel) nếu xây trên đất thương mại, dịch vụ sẽ được cấp chứng nhận quyền sở hữu.
- Bộ Tài chính: trình Chính phủ đề xuất giãn hoãn thuế TTĐB đối với mặt hàng ô tô, nếu được thông qua sẽ có khoảng 11.000 tỷ đồng tiền thuế được giãn, hoãn.
- NHNN: ban hành văn bản hướng dẫn NHTM thực hiện Chương trình cho vay nhà ở xã hội theo đó thời hạn giải ngân cho đến khi đạt doanh số 120.000 tỷ đồng nhưng không quá ngày 31/12/2030, LSCV đối với Chủ đầu tư là 8.7%/năm, LSCV đối với người mua nhà là 8.2%/năm.
- Lãi suất liên ngân hàng qua đêm: điều chỉnh tăng lên mức 2.48%/năm trong ngày 04/04 sau khi ghi nhận tăng ở mức 2.12% trong ngày 03/04.
- PMI Việt Nam: tháng 03 giảm xuống còn 47.7 điểm từ mức 51.2 điểm của tháng 2 – dưới ngưỡng 50 điểm lần thứ tư trong 05 tháng qua.
- Tổng cục Hải quan: Quý 1/2023 tổng trị giá XNK ước đạt 154,27 tỷ USD, giảm 13,3% (tương ứng giảm 23,62 tỷ USD) svck. Trong đó giá trị xuất khẩu 79,17 tỷ USD, giảm 11,9% (tương ứng giảm 10,71 tỷ USD) và nhập khẩu 75,1 tỷ USD, giảm 14,7% (tương ứng giảm 12,91 tỷ USD) svck.

THẾ GIỚI:

- IMF: dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm xuống dưới 3% (2023) và duy trì ở mức khoảng 3% trong 5 năm tới – mức dự báo trung hạn thấp nhất kể từ năm 1990. Đồng thời kêu gọi các NHTW tiếp tục cuộc chiến chống lạm phát và giải quyết các rủi ro tài chính thông qua cung cấp thanh khoản phù hợp
- Hoa Kỳ: ISM công bố PMI sản xuất T03/2023 ở mức 46.3 điểm – mức thấp nhất kể từ T05/2020.
- Hoa Kỳ: Bộ trưởng Tài chính Yellen cho biết ngành ngân hàng đang ổn định, đồng thời nhắc lại rằng sẽ thực hiện hỗ trợ nếu cần thiết, việc áp giá trần của dầu mỏ Nga sẽ không thay đổi trong thời gian tới.
- Hoa Kỳ: Dữ liệu tuyển dụng việc làm (JOLTS) T02/2023 giảm xuống mức thấp nhất kể từ T05/2021 (dưới 10 triệu) cho thấy nhu cầu lao động đang hạ nhiệt tuy nhiên thị trường việc làm vẫn đang quá chặt chẽ đối với FED.
- Hoa Kỳ: Tăng trưởng dịch vụ chậm lại rõ rệt. PMI dịch vụ ISM đã giảm xuống 51.2 vào tháng 3 năm 2023 từ 55.1 vào tháng 2 và thấp hơn nhiều so với dự báo là 54.5.
- Hoa Kỳ: Số người Mỹ nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần kết thúc vào ngày 1 tháng 4 đạt 228.000 - cao nhất kể từ tuần kết thúc vào ngày 3 tháng 12 năm 2022.
- Quan chức của FED: tăng trưởng kinh tế sẽ chậm lại trong 2023, lạm phát dự kiến sẽ giảm xuống 3,75% vào cuối năm và 2% vào năm 2025.
- Thụy Sĩ: Công tố viên liên bang mở cuộc điều tra về việc UBS mua lại Credit Suisse với sự hỗ trợ của Nhà nước.
- Thị trường trái phiếu AT1: Mitsubishi UFJ Financial Group Inc. (MUFG) sẽ trì hoãn đợt bán trái phiếu cấp 1 bổ sung (AT1) cho đến ít nhất đến giữa tháng 5 sau sự việc sáp nhập giữa Credit Suisse và UBS.
- Thế giới: các nước BRICS (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi - chiếm khoảng 40% dân số thế giới và 1/4 GDP toàn cầu) đang thảo luận về việc phát triển một loại tiền tệ mới nhằm giảm sự phụ thuộc vào đồng đô la Mỹ.

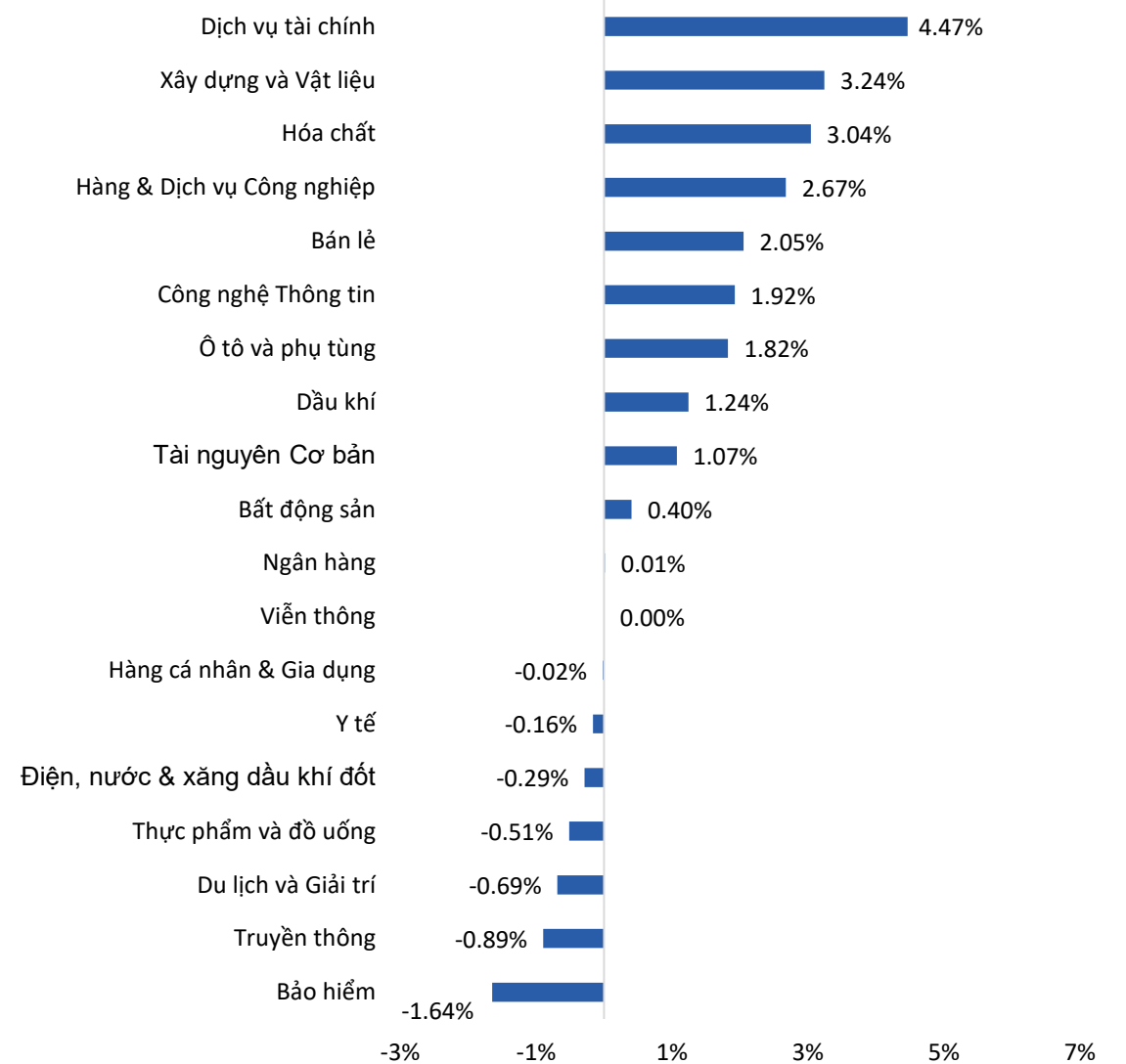
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Diễn biến lãi suất trên thị trường tiền tệ và hiệu ứng các chính sách hỗ trợ
- Mùa họp ĐHCĐ, công bố dự kiến KQKD quý I
- 10/4, Cung tiền M2 và các khoản vay mới Trung Quốc; Cuộc họp IMF diễn ra 6 ngày. 11/4, CPI Trung Quốc; Doanh thu bán hàng EU. 12/4, CPI và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ; Lãi suất và báo cáo chính sách tiền tệ Canada. 13/4, Biên bản FOMC và PPI, tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ; Tỷ lệ thất nghiệp Australia; PMI và GDP Anh. 14/4, GDP, chỉ số sản xuất công nghiệp, doanh thu bán hàng, tỷ lệ thất nghiệp Trung Quốc; Doanh thu bán lẻ và tâm lý người tiêu dùng Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Dịch vụ tài chính	2.16%	4.47%	14.46%	SSI	5.13%	
Xây dựng và Vật liệu	0.20%	3.24%	4.49%	CTD	10.91%	HT1 -0.66%
Hóa chất	0.24%	3.04%	6.74%	DRC	-0.23%	DGC 1.38%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.61%	2.67%	4.11%	GDM	3.41%	VSC 1.20%
Bán lẻ	-0.34%	2.05%	-3.11%	MWG	1.58%	PNJ -1.65%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	75.67	1.75%	9.25%	-2.78%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	79.89	1.64%	7.11%	-4.54%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	268.10	1.64%	4.94%	0.62%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,969.28	-0.56%	-0.45%	7.22%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	24.10	0.82%	3.75%	14.80%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,505.50	2.10%	5.41%	0.75%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	692.25	0.00%	0.54%	-2.50%		AFX
Sữa	USD/cwt	18.06	-0.06%	-0.22%	1.75%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	210.00	0.43%	2.69%	-6.96%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	22.25	1.32%	6.87%	8.17%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	170.50	0.41%	-4.88%	-7.11%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,993.00	-0.09%	0.80%	-1.18%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	4,175.00	0.58%	1.71%	-0.55%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,413.00	1.13%	3.25%	-0.76%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	909.00	1.39%	4.90%	1.17%		HPG
Than đá	USD/MT	193.00	2.93%	0.34%	-1.91%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	625.56	0.67%	1.67%	0.23%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiiipro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
TCB	4.23%	1.06
SHB	7.91%	0.65
HPG	1.92%	0.58
DIG	25.93%	0.53
GVR	2.58%	0.40
MBB	1.92%	0.40
FPT	1.77%	0.38
SSI	4.65%	0.37
CTG	1.03%	0.36
TPB	4.05%	0.36
Tổng		5.10

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-1.53%	-1.66
SAB	-4.17%	-1.24
VHM	-1.55%	-0.87
BCM	-3.26%	-0.70
BID	-1.19%	-0.70
VIC	-1.09%	-0.57
GAS	-0.78%	-0.38
VJC	-2.00%	-0.28
LPB	-3.90%	-0.26
VPB	-0.71%	-0.25
Tổng		-6.92

Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VIC	124.72	#N/A N/A
HPG	116.53	23.42
HDB	85.03	18.91
VPB	69.85	17.63
CTG	56.94	28.08
VRE	47.07	32.94
NLG	38.04	44.47
HSG	37.51	16.25
PAN	28.83	15.34
HCM	26.87	47.00
Tổng	631.39	

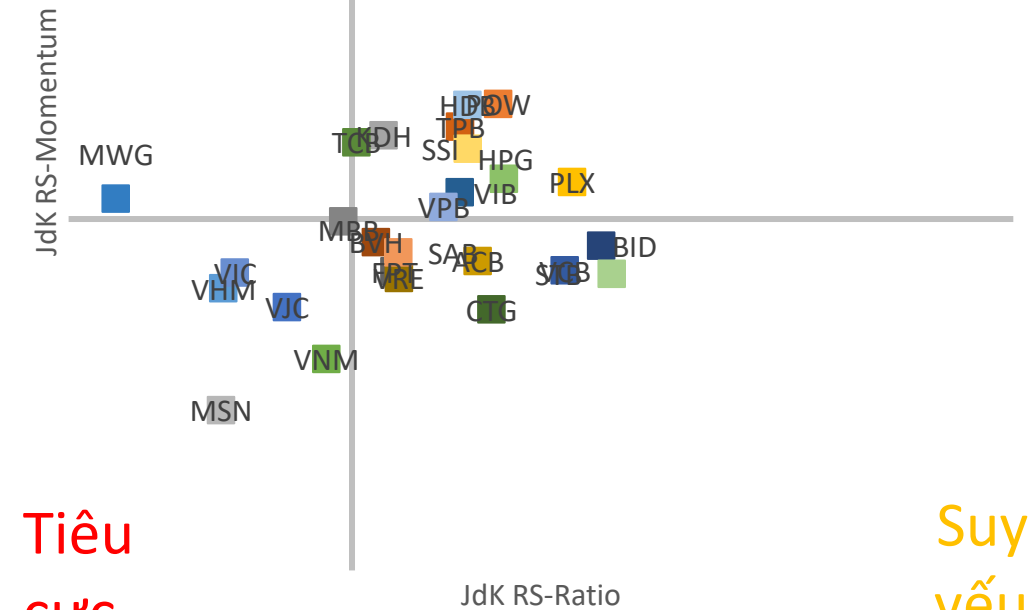
Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
STB	-420.99	28.36
VND	-121.14	#N/A N/A
VNM	-120.88	55.81
SSI	-102.14	44.28
KDH	-97.88	37.06
PNJ	-87.89	49.00
MSN	-80.69	30.55
FUEVFN	-78.13	
BID	-75.90	17.28
VCB	-66.43	23.55
Tổng	-1252.07	

Vận động cổ phiếu VN30			
POW	107.7497	103.2656	25.71%
KDH	101.6817	102.3724	-1.25%
PLX	111.6608	101.0469	5.49%
VIB	105.7222	100.7522	5.74%
HPG	108.0546	101.134	15.56%
TPB	105.7412	102.6165	9.49%
TCB	100.241	102.179	9.25%
HDB	106.1264	103.2391	14.93%
SSI	106.1393	101.9953	22.16%
VPB	104.8617	100.3342	18.26%
PDR	52.60313	112.8736	-12.28%
NVL	38.05921	114.4407	-13.31%
MWG	87.50744	100.5695	-8.21%
GVR	96.89402	104.6061	7.64%
BVH	101.2872	99.33688	1.15%
FPT	102.2561	98.50452	3.81%
VRE	102.4957	98.31078	11.51%
BID	113.2046	99.22995	12.68%
CTG	107.3989	97.42257	0.34%
SAB	102.4598	99.04113	3.38%
ACB	106.6722	98.7941	8.23%
VCB	111.2679	98.53389	5.18%
STB	113.7616	98.43251	17.23%
VHM	93.20971	98.02458	7.74%
VJC	96.5699	97.48288	-3.75%
VNM	98.65708	96.00639	-7.81%
MSN	93.0757	94.55535	-19.38%
VIC	93.81283	98.47279	0.00%
MBB	99.5498	99.92354	4.89%
GAS	98.06589	99.00452	-2.39%

Hồi
phục

CP VN30 vs. VN-Index

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	91.4	-1.40%	0.90	18,422.00	3.70	7,311.00	12.50	105,000	23.60%	Link
BID	Ngân hàng	46.2	0.00%	1.00	9,953.00	1.30	4,208.00	10.98	54,578	17.30%	Link
CTG	Ngân hàng	29.2	0.70%	1.30	5,976.00	2.90	-	-	-	28.10%	Link
VPB	Ngân hàng	21	0.70%	1.20	6,018.00	20.70	-	-	-	17.60%	Link
ACB	Ngân hàng	25	1.60%	1.10	3,596.00	6.30	4,640.00	5.39	26,000	30.00%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	0.00%	1.50	3,524.00	8.20	4,603.00	3.95	24,600	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	26.2	0.80%	1.30	2,104.00	25.00	4,880.00	5.37	31,200	28.40%	Link
SSI	Chứng khoán	21.5	2.60%	1.70	1,373.00	29.30	-	-	-	44.00%	Link
GVR	BĐS KCN	-	-	-	-	-	1,217.00	-	19,100	-	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	20.8	0.00%	1.70	5,151.00	21.10	1,916.00	10.86	25,000	23.50%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	16.1	-0.90%	2.30	410.00	17.60	1,896.00	8.49	18,500	16.30%	Link
VHM	BĐS	51.5	3.90%	0.80	9,551.00	6.00	5,227.00	9.85	68,300	24.20%	Link
VRE	BĐS	30	-1.20%	1.20	2,860.00	6.70	1,576.00	18.78	31,800	33.10%	Link
NLG	BĐS	26.8	7.00%	1.50	438.00	3.40	2,557.00	10.48	38,700	44.50%	Link
DPM	Phân bón	33.3	-1.00%	1.20	555.00	1.70	14,120.00	2.36	42,000	18.60%	Link
GAS	Dầu khí	102	-0.40%	0.60	8,314.00	1.10	6,793.00	15.02	122,300	3.00%	Link
PLX	Dầu khí	37.4	1.50%	1.10	2,027.00	3.90	2,625.00	14.25	42,000	17.70%	Link
BSR	Dầu khí	15.5	1.30%	1.50	-	3.40	2,292.00	6.76	18,400	0.00%	Link
PVS	Dầu khí	25.4	0.40%	1.20	517.00	4.10	1,340.00	18.96	31,100	20.90%	Link
PVT	Dầu khí	20.7	-1.00%	1.20	285.00	1.40	2,929.00	7.07	24,300	18.30%	Link
POW	Tiện ích	13.2	0.00%	1.10	1,317.00	3.50	993.00	13.29	13,000	7.80%	Link
REE	Tiện ích	67.6	0.40%	0.90	1,023.00	0.20	7,698.00	8.78	85,000	49.00%	Link
VNM	Tiêu dùng	74.4	-0.80%	0.50	6,622.00	3.40	3,895.00	19.10	87,600	55.80%	Link
MSN	Tiêu dùng	77.8	-1.80%	1.20	4,718.00	4.40	2,605.00	29.87	96,000	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	38.6	-0.10%	1.50	2,403.00	3.00	3,456.00	11.17	55,200	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	77.7	0.00%	0.80	1,085.00	1.30	7,475.00	10.39	95,000	49.00%	Link
FRT	Bán lẻ	61	-1.10%	1.60	308.00	2.20	2,965.00	20.57	77,100	28.90%	Link
VHC	Thủy sản	53.4	0.00%	1.20	417.00	0.30	12,800.00	4.17	67,500	30.60%	Link
GMD	Logistics	51.5	0.40%	0.50	661.00	2.10	7,059.00	7.30	57,000	48.70%	Link
FPT	Công nghệ	79.1	0.00%	0.80	3,696.00	2.30	5,901.00	13.40	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký